

Số: 13/2021/QĐST-DS

Quảng Ninh, ngày 04 tháng 11 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 27 tháng 10 năm 2021 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 38/2021/TLST- DS ngày 14 tháng 7 năm 2021.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Vũ B, sinh năm 1965

Địa chỉ: Thôn X, xã X, huyện Q, tỉnh Q.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Duy K, sinh năm 1989

Địa chỉ: Thôn X, xã X, huyện Q, tỉnh Q.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1994; địa chỉ: Thôn 2, xã L, thành phố Đ, tỉnh Q.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Nguyễn Thị D: Chị Nguyễn Thị H, địa chỉ: Thôn X, xã X, huyện Q, tỉnh Q.

2. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1996; địa chỉ: Thôn X, xã X, huyện Q, tỉnh Q.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ông Nguyễn Vũ B, anh Nguyễn Duy K và chị Nguyễn Thị H cũng là người đại diện theo ủy quyền của chị Nguyễn Thị D nhất trí thoả thuận như sau: Ông Nguyễn Vũ B chỉ nhận phần tài sản chung được chia giữa ông và bà Phạm Thị H còn phần di sản của bà Phạm Thị H giao lại cho các con sử dụng và sở hữu; chị Nguyễn Thị H cũng là người đại diện theo ủy quyền của chị Nguyễn Thị D tự nguyện giao lại toàn bộ phần di sản mà mình được hưởng cho anh Nguyễn Duy K.

Các bên đương sự thống nhất thỏa thuận như sau:

- Giao cho ông Nguyễn Vũ B quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất gồm:

Phần đất có nhà Lớn có tứ cạnh gồm: Phía Nam giáp đường giao thông cơ sở có số đo 19m; Phía Tây giáp sông có số đo 15,13m; Phía Bắc giáp đất nuôi trồng thủy sản thửa số 86 có số đo 22m; Phía Đông giáp phần đất giao cho anh K có số đo 18,7m,

Tổng diện tích: 367,2m² (Trong đó đất ở 100m² trị giá 73.000.000 đồng, đất trồng cây hàng năm khác 267,2m²) trị giá 144.288.000 đồng.

Phần tài sản gắn liền trên đất gồm: Nhà lớn trị giá 80.824.600 đồng và 01 mái che gắn liền nhà lớn trị giá 18.307.080 đồng; tường rào 34m trị giá 12.000.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản ông Nguyễn Vũ B được nhận là 328.419.680 đồng (*Ba trăm hai mươi tám triệu, bốn trăm mười chín nghìn, sáu trăm tám mươi đồng*).

- Giao cho anh Nguyễn Duy K quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất gồm:

Phần đất có nhà Nhỏ (nhà Bếp) có tứ cạnh gồm: Phía Nam giáp đường giao thông cơ sở có số đo 15,20m; Phía Tây giáp phần đất của ông B (cách tường nhà lớn 40cm) có số đo 18,7m; Phía Bắc giáp đất nuôi trồng thủy sản thửa số 86 có số đo 10,78m + 7,53m; Phía Đông giáp đất ông Phạm Xuân T có số đo 5,75m + 3,70m + 3,64m + 11,05m = 24,56m,

Tổng diện tích: 343,4m² (Trong đó đất ở 100m² trị giá 73.000.000 đồng, đất trồng cây hàng năm khác 243,4m²) trị giá 131.436.000 đồng.

Phần tài sản gắn liền trên đất gồm: Nhà bếp trị giá 15.000.000 đồng; tường rào 15,20m trị giá 5.532.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản anh Nguyễn Duy K được nhận là 224.968.000 đồng (*Hai trăm hai mươi bốn triệu, chín trăm sáu mươi tám nghìn đồng*).

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ tài sản là 3.000.000 đồng. Mỗi bên phải chịu 1.500.000 đồng. Ông B đã nộp 3.000.000 đồng, anh K có trách nhiệm phải trả cho ông B 1.500.000 đồng tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

Ông Nguyễn Vũ B có trách nhiệm giao tiền chênh lệch giá trị tài sản cho anh Nguyễn Duy K số tiền 51.725.840 đồng (*Năm mươi một triệu, bảy trăm hai mươi lăm nghìn, tám trăm bốn mươi đồng*).

Về án phí: Áp dụng khoản 1, 3 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 7 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông Nguyễn Vũ B phải chịu án phí dân sự 6.917.346 đồng nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí 6.243.000 đồng ông đã nộp theo biên lai số: 0002478 ngày 14/7/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Ninh, ông Nguyễn Vũ B còn phải nộp tiếp 674.346 đồng.

Anh Nguyễn Duy K phải chịu án phí dân sự: 6.917.346 đồng.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu

thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Quảng Ninh;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THADS huyện Quảng Ninh;
- Lưu HS; VP.

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Châu